

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/6/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1990; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và Ông Trương Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 19 tháng 4 năm 2010. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại, bà và ông T không còn chung sống với nhau, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với Ông Trương Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Trương Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/10/2013 và Trương Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 01/01/2020. Hiện tại, cháu Trương Nguyễn Bảo Y đang sống cùng bà L, cháu Trương Nguyễn Hải Y đang sống cùng ông T. Nếu được Tòa án cho ly hôn với ông T, bà tôn trọng quyền quyết định của con Trương Nguyễn Hải Y và xin được quyền nuôi con chung Trương Nguyễn Bảo Y. Nếu con chung Hải Y có nguyện vọng sống cùng bà, bà không yêu cầu Ông Trương Văn T cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn Ông Trương Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L về thời gian kết hôn và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà L có 02 người con chung tên Trương Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/10/2013 và Trương Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 01/01/2020.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có yêu cầu phản tố với bà L.

Trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn Ông Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L và Ông Trương Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn. Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, xét thấy ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Ông T và bà L có 02 người con chung tên Trương Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/10/2013 và Trương Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 01/01/2020. Do cháu Trương Nguyễn Bảo Y còn nhỏ, để không ảnh hưởng tâm sinh lý và sự phát triển bình thường về sau của trẻ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trương Nguyễn Bảo Y cho Bà Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của con chung Trương Nguyễn Hải Y được sống cùng ba nên

đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trương Nguyễn Hải Y cho Ông Trương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu Ông Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung Trương Nguyễn Bảo Y nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông Trương Văn T vắng mặt nên không xem xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn Ông Trương Văn T đang thường trú tại thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập cho bị đơn Ông Trương Văn T, nhưng ông T vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L và bị đơn Ông Trương Văn T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện P, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn.

[4] Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn PV, huyện P ngày 03 tháng 12 năm 2021 thì ông T và bà L chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa ông T và bà L thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay đề nghị chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Hiện tại, bà L và ông T đã sống ly thân.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với bị đơn Ông Trương Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung tên Trương Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/10/2013 và Trương Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 01/01/2020. Hiện tại, cháu Trương Nguyễn Bảo Y đang sống cùng bà L, cháu Trương Nguyễn Hải Y đang sống cùng ông T. Hiện nay, cháu Trương Nguyễn Hải Y đã trên 07 tuổi và cháu Trương Nguyễn Bảo Y còn nhỏ.

[6.1] Hiện tại, cháu Bảo Yến đang sống cùng bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Bảo Yến còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Bảo Yến rất cần sự chăm sóc của người mẹ và để không ảnh hưởng tâm sinh lý, sự phát triển bình thường về sau của trẻ nên Hội đồng xét xử giao cháu Trương Nguyễn Bảo Y cho Bà Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với yêu cầu, điều kiện nuôi dưỡng con chung của Bà Nguyễn Thị Bích L.

[6.2] Theo nguyện vọng của cháu Hải Y được sống cùng ba. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Trương Nguyễn Hải Y cho Ông Trương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với yêu cầu, điều kiện nuôi dưỡng con chung của Ông Trương Văn T.

[6.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu Ông Trương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung Trương Nguyễn Bảo Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do Ông Trương Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét được yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Trương Nguyễn Hải Y. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 và 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích L đối với bị đơn Ông Trương Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với Ông Trương Văn T.

3. Về con chung:

3.1 Giao con chung Trương Nguyễn Bảo Y, sinh ngày 01/01/2020 cho Bà Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu Ông Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung Trương Nguyễn Bảo Y.

3.2 Giao con chung Trương Nguyễn Hải Y, sinh ngày 22/10/2013 cho Ông Trương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

3.3 Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.4 Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do Bà Nguyễn Thị Bích L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044189 ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thanh Ân